

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 12 - 2025
Về việc Tranh chấp ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tân

Ông Trịnh Hữu Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 120/2025/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 15/04/1982 (có mặt)

Căn cước công dân số: 077182003250 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/04/2021

Địa chỉ HKTT: Ấp G, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ hiện nay: Tổ 03, Ấp N, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Ngô Duy T, sinh ngày 23/5/1977 (có mặt)

Căn cước công dân số: 077077002232 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/03/2024

Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Năm 2006 bà và ông Ngô Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng tuy cũng có những mâu thuẫn nhưng vẫn cố gắng vun đắp vì các con để có cuộc sống hòa thuận, nhưng những năm gần đây hai vợ chồng phát sinh rất nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và nhiều lý do khác dẫn đến hai bên không còn tôn trọng nhau trong lời nói và hành động làm bà và các con rất lo sợ. Ngày 19/3/2025 sau những lời ông T hăm dọa, đánh và đuổi bà và các con nên bà và các con rất sợ nên phải bỏ nhà đi ra ngoài sinh sống cho đến nay.

Đây là lần thứ hai bà T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Ngô Duy T.

Do không thể chịu đựng được nữa, bà T nhận thấy vợ chồng bà không còn vun đắp tình cảm được nữa, không thể sống chung một nhà, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Duy T.

- Về con chung: Bà T và ông T có 03 con chung gồm cháu Ngô Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 01/1/2008, Ngô Gia P, sinh ngày 01/5/2010, Ngô Gia H, sinh ngày 27/5/2019. Bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T làm nghề giáo viên, đến nay thu nhập khoảng 30.000.000 đồng/tháng. Bà cũng có chỗ ở ổn định nên bà có thể chăm sóc các con tốt nhất có thể về thời gian và kinh tế cũng như tình yêu thương của mẹ dành cho các con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Ngô Duy T trình bày:

Năm 2006 bà Nguyễn Thị Thanh T và ông kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Tổ 3, Ấp G, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông và bà T có nói những lời nói không hay và to tiếng đối với nhau. Tuy nhiên, không có việc ông T đánh đập vợ như vợ ông trình bày. Đến tháng 10/2024 cho đến nay bà T đổi số điện thoại, đổi facebook, zalo để giấu ông để quen người khác. Khi phát hiện, bà T có thừa nhận và xin lỗi ông. Lúc đó, ông vẫn còn thương vợ nên ông đã chấp nhận lời xin lỗi và tha thứ cho vợ. Nhưng sau đó sự việc lại lặp lại và ông vẫn chấp nhận vì ông còn thương vợ. Khoảng tháng 3/2025 bà T đã tự đưa các con ra ngoài sinh sống (không có việc hăm dọa như bà T trình bày). Vì ông đã hứa với cha đạo, mặc dù ông có chứng cứ chứng minh vợ ngoại tình cho ai khác nên ông không thể cung cấp cho Tòa án được.

Nay, ông T nhận thấy những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không lớn để phải ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn với vợ là bà Nguyễn Thị Thanh T vì

ông vẫn còn tình cảm với vợ.

- Về hôn nhân: Ông T không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Ông T và bà T có 03 con chung gồm cháu Ngô Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 01/1/2008, Ngô Gia P, sinh ngày 01/5/2010, Ngô Gia H, sinh ngày 27/5/2019. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của bà T cho bà T ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung Ngô Gia P, sinh ngày 01/5/2010, Ngô Gia H, sinh ngày 27/5/2019. Ông đồng ý nhường quyền nuôi cháu Ngô Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 01/1/2008 cho bà T được nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi dưỡng.

Ông làm nghề lao động tự do và mua bán bất động sản, thời gian chủ động, thu nhập hàng tháng 15.000.000 đồng/tháng, tùy từng thời điểm tần suất công việc thì thu nhập hàng tháng sẽ khác nhau. Ông có nhà cửa ổn định. Do thời gian chủ động nên ông sẽ là người đưa rước các con đi học. Ông cam kết chăm sóc các con tốt nhất có thể.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với bị đơn ông Ngô Duy T và hiện nay ông T đang cư trú tại Ấp G, xã B, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự) xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14- Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt. Tuy nhiên, Viện kiểm sát khu vực 14 đã có Công văn số 43/CV-VKS ngày 01/12/2025, có nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ và cũng không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 không tham gia phiên tòa xét xử vụ án trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Ngô Duy T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Thành

phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 047/2006 ngày 06/11/2006. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà T ông T sống với nhau tại Ấp G, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh và có với nhau 03 con chung. Trong quá trình chung sống, bà T và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng, tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Cụ thể, ông T cho rằng: Không có việc ông dùng bạo lực với bà T. Mặt khác, trong quá trình chung sống bà T có người đàn ông khác bên ngoài nhưng ông T không đưa ra các tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình. Còn bà T cho rằng: Khoảng vài năm trước, do không có sự đồng cảm, thấu hiểu từ ông T nên bà T có nhấn tin tâm sự với một người đàn ông trên mạng nhưng sau đó bà đã chấm dứt và không liên lạc gì với người đàn ông đó nữa, từ đó cho đến nay bà T không có ai khác bên ngoài như ông T trình bày. Trong quá trình chung sống, ông T thường xuyên ghen tuông và nhắc đi nhắc lại sự việc trên nhiều lần, hăm dọa, đánh và đuổi bà T và các con, do lo sợ nên bà T và các con ra ngoài sinh sống từ ngày 19/3/2025 cho đến nay.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng, không còn tin tưởng lẫn nhau, sự kết nối tình cảm giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Ngô Duy T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông T có 03 người con chung là Ngô Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 01/1/2008; Ngô Gia P, sinh ngày 01/5/2010; Ngô Gia H, sinh ngày 27/5/2019. Bà T trình bày: Bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T trình bày: Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là Ngô Gia H, Ngô Gia P và nhường cho bà T được nuôi dưỡng con chung Ngô Nguyễn Quỳnh T.

Xét thấy: Bà T có công việc thu nhập và chỗ ở ổn định. Sau khi xem xét ý kiến của cháu T, cháu P có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Còn cháu Ngô Gia H đang còn nhỏ. Hiện nay 03 cháu đang sinh sống cùng với mẹ tại địa chỉ Tổ 03 Ấp N, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao 03 con chung là cháu Ngô Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 01/1/2008; Ngô Gia P, sinh ngày 01/5/2010; Ngô Gia H, sinh ngày 27/5/2019 cho bà Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007153 ngày 04/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sửa đổi, bổ sung Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự); Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Ngô Duy T về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Ngô Duy T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Ngô Duy T có 03 con chung là Ngô Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 01/1/2008; Ngô Gia P, sinh ngày 01/5/2010; Ngô Gia H, sinh ngày 27/5/2019.

Giao 03 con chung Ngô Nguyễn Quỳnh T, Ngô Gia P, Ngô Gia H cho bà Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành. Ông Ngô Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Ngô Duy T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007153 ngày 04/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/12/2025), các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV14- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự KV14 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- (GCNKH số 047/2006, ngày 06/11/2006)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Hạnh